

Số: 240 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 25 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục chuẩn hóa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 05/TTr-SVHTTDL ngày 06/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chuẩn hóa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2019 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Phụ lục I kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Phụ lục II kèm theo).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC- Văn phòng Chính phủ;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Lưu: VT, NC.



Võ Ngọc Thành

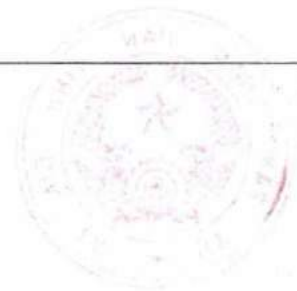


PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 140/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Văn hóa				
01	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao xem xét và trả lời về thời hạn tổ chức đăng ký trong thời hạn 15 ngày làm việc. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp Giấy chứng	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010; Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011.

		nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.			
02	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.
03	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/ tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.
04	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo	Trong thời hạn 30 ngày kể từ	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung	Không	Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001;





	làng ngoài công lập	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.
05	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ; Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

06	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao xét cấp chứng chỉ. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ; Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ VHTT; Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.
07	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 01/3/2011.



hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan



	<p>đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội</p>			
--	---	--	--	--



	<p>đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.</p>				
08	<p>Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật</p>	<p>Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổ chức thẩm định</p>	<p>Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>	<p>Không</p>	<p>Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

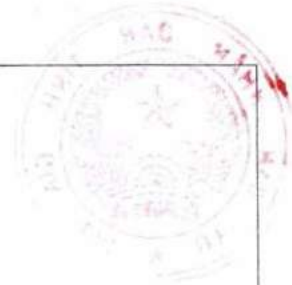


	<p>hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn</p>			
--	---	--	--	--



bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề



		<p>ngợi Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia</p>			
09	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	<p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem</p>	<p>Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>	Không	<p>Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.</p>



xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.

Không

Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

10

Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

11	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.
12	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.



trường 429 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

13

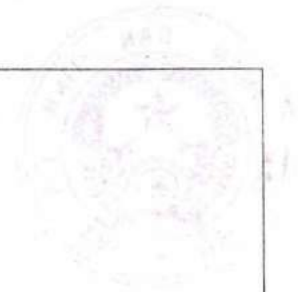
Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu

Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.

Không

Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.



		<p>thiếu hoặc không hợp lệ.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>			
14	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	<p>- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày</p>	<p>Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng</p>	Không	<p>Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;</p>



nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.

Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018.

15	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim	Trong thời hạn 15 ngày kể từ	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung	Mức thu (đồng) Thẩm định và phân loại	Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
----	-------------------------------------	------------------------------	---	---------------------------------------	---

<p>(- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)</p>	<p>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.</p>	<p>tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>	<p>phim 1 Phim thương mại: a Phim truyện: a.1 Độ dài đến 100 phút (1 tập phim) 3.600.000 a.2 Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập a.3 Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b Phim ngắn: b.1 Độ dài đến 60 phút: 2.200.000 b.2 Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện 2 Phim phi thương mại: a Phim truyện: a.1 Độ dài đến 100 phút (1 tập phim) 2.400.000 a.2 Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập a.3 Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b Phim ngắn: b.1 Độ dài đến 60 phút 1.600.000 b.2 Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện Ghi chú: Mức thu quy</p>	<p>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ; Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008; Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>



				<p>định trên đây là mức thâm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thâm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây. (Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh).</p>	
<p>16</p>	<p>Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.</p>	<p>Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>	<p>Mức thu (đồng) Thẩm định và phân loại phim 1 Phim thương mại: a Phim truyện: a.1 Độ dài đến 100 phút (1 tập phim) 3.600.000 a.2 Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập a.3 Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b Phim ngắn: b.1 Độ dài đến 60 phút:</p>	<p>Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ; Thông tư số 20/2013TT-BVHTTDL ngày 31/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài</p>



				<p>2.200.000</p> <p>b.2 Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</p> <p>2 Phim phi thương mại:</p> <p>a Phim truyện:</p> <p>a.1 Độ dài đến 100 phút (1 tập phim) 2.400.000</p> <p>a.2 Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập</p> <p>a.3 Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập</p> <p>b Phim ngắn:</p> <p>b.1 Độ dài đến 60 phút 1.600.000</p> <p>b.2 Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện</p> <p>Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.</p> <p>(Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày</p>	chính.
--	--	--	--	--	--------

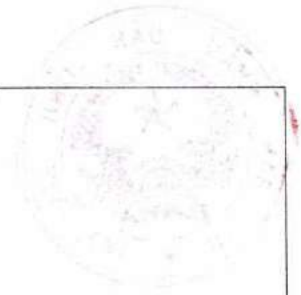


				15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh).	
17	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ; Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
18	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ;
19	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch),	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ; Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ.

			Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.		
20	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Thời hạn cấp giấy phép không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch, thời hạn cấp giấy phép không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ; Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
21	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ.



22	Tin tức cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.
23	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.
24	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.

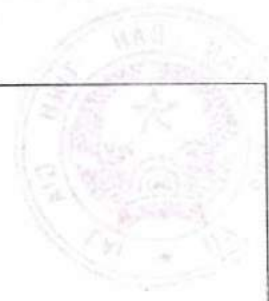


	<p>chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp</p>			
--	--	--	--	--



không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;
- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa, Thể thao có văn bản trả lời.

25	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.
----	---	---	---	-------	---



mục đích thương mại	<p>Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;</p> <p>- Trong thời hạn</p>	<p>thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>		
---------------------	--	---	--	--



07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

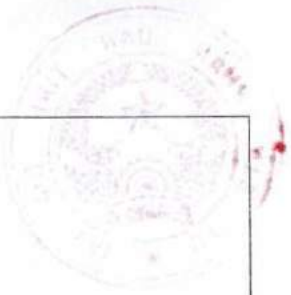
- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn



		hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời.			
26	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.



<p>bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội</p>			
--	--	--	--



		dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời.			
27	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.



hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có



		nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời.			
28	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao không có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.
		chức triển lãm			



dung đã thông báo;
Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã



29	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	thông báo. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn như sau: Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật Mức thu phí (đồng/chương trình, vở diễn) 1. Đến 50 phút 1.500.000 2. Từ 51 đến 100 phút 2.000.000 3. Từ 101 đến 150 phút 3.000.000 4. Từ 151 đến 200 phút 3.500.000 5. Từ 201 phút trở lên 5.000.000 Trường hợp miễn phí Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia. Chương trình phục vụ	Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.
----	--	--	--	---	---



				nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC bao gồm: các hoạt động biểu diễn nghệ thuật nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến Việt Nam; kỷ niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam.	
30	Thủ tục cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 10/2016/TT-

					BVHTTDL ngày 19/10/2016.
31	Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016.
32	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016.



33

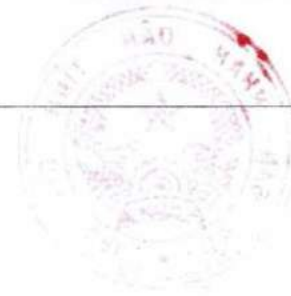
Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp cần gia hạn thời hạn thẩm định, cấp phép.

Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.

Phí thẩm định:
Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:
a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:
- Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).
- Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).
b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:
- Đối với bản ghi âm:

Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ;
Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ;
Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.



				<p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.</p> <p>- Đối với bản ghi hình:</p> <p>+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;</p> <p>+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.</p>	
--	--	--	--	--	--



34	Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016.
35	Thủ tục chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
36	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch),	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ.

		nhiệm thẩm định.	Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.		
37	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ.
38	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy; Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy.	Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.



39	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tuyến hoặc nộp tại bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ.
40	Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
41	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Điều 29, Điều 30 của Luật quảng cáo ngày 21/6/2012; Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
42	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được	Nộp trực tiếp đến tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao	Không	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012.

		thông báo.	dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.		
43	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	3.000.000 đồng/Giấy phép.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012; Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính.
44	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	1.500.000 đồng/Giấy phép.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012; Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính.

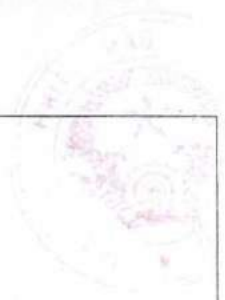


					Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
45	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	1.500.000 đồng/Giấy phép.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012; Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính.
46	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc. Trường hợp phải giám định văn hóa phẩm nhập	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

		khẩu tối đa không quá 12 (mười hai) ngày làm việc.			
47	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
48	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh: - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.	Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính; Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



		<p>nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>		<p>- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng</p> <p>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</p> <p>- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/ tác phẩm/ lần thẩm định.</p> <p>- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p>	
49	<p>Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh</p>	<p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản</p>	<p>Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>	<p>Số TT Nội dung công việc Mức thu (đồng)</p> <p>I. Thẩm định và phân loại phim</p> <p>1 Phim thương mại:</p> <p>a Phim truyện:</p> <p>a.1 Độ dài đến 100 phút (1 tập phim) 3.600.000</p> <p>a.2 Độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập</p>	<p>Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể</p>



		<p>thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.</p>		<p>a.3 Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b Phim ngắn: b.1 Độ dài đến 60 phút: 2.200.000 b.2 Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện 2 Phim phi thương mại: a Phim truyện: a.1 Độ dài đến 100 phút (1 tập phim) 2.400.000 a.2 Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập a.3 Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập b Phim ngắn: b.1 Độ dài đến 60 phút 1.600.000 b.2 Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu</p>	thao và Du lịch.
--	--	--	--	--	------------------



50	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	<p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	<p>bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.</p> <p>Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau:</p> <p>1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:</p> <p>a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).- Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một	<p>Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
----	---	--	--	--	---



				<p>block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đối với bản ghi âm:<ul style="list-style-type: none">+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.- Đối với bản ghi hình:<ul style="list-style-type: none">+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí	
--	--	--	--	--	--



				không quá 9.000.000 đồng/chương trình. 2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.	
51	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000; Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 06/8/2002 của Chính phủ; Thông tư số 56/2003/TT-BVHTT ngày 16/9/2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ; Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.

52	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007; Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
53	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
54	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch),	Không	Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



			Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.		thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007; Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
56	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

57	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
58	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Không quy định	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
59	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Không quy định	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
60	Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính	Không	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày



		nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.		21/11/2007; Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
61	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007; Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

62	Thủ tục cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007; Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
63	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
64	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số	Không	Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao



Khi thể thao, vật liệu nỏ, công cụ hỗ trợ gọn, tinh năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	hợp lệ.	11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an; Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29/5/2012 của Bộ Công an; Thông tư số 06/2015/TT- BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
--	---------	---	---

II Lĩnh vực Thể dục Thể thao

65	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019.
66	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia	Không	Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày

			Lai.		25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.
67	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.
68	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ.
69	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch),	Không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.



			Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.		
70	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.
71	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018. Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

72	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
73	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



74	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
75	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

76	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018. Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
77	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



78	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
79	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

80	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
81	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



82	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
83	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

84	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
85	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



86	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
87	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

88	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinan	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
89	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



90	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
91	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

92	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
93	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

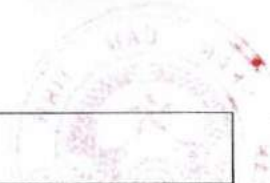


94	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
95	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

96	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
97	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



98	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
99	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



III Lĩnh vực Du lịch					
100	Thủ tục công nhận điểm du lịch cấp tỉnh	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
101	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch),	3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; Thông tư số 06/2017/TT-



			<p>Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>		<p>BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
102	<p>Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.</p>	<p>Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>	<p>1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).</p>	<p>Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017</p>

					của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
103	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	2.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
104	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa,	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia	Không	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



Thông tin, Thẻ
thao và Du lịch
ra quyết định thu
hồi giấy phép
kinh doanh dịch
vụ lữ hành nội
địa.
Sau 60 ngày, kể
từ ngày đăng
quyết định thu
hồi giấy phép
kinh doanh dịch
vụ lữ hành nội
địa, trường hợp
không có khiếu
nại, tố cáo liên
quan đến nghĩa
vụ đối với khách
du lịch, cơ sở
cung cấp dịch vụ
du lịch thì cơ
quan cấp phép
có văn bản gửi
ngân hàng để
doanh nghiệp
được rút tiền ký
quỹ.

Lai.

105	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành; Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và</p>	<p>Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>	Không	<p>Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
-----	---	--	---	-------	---



		Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ.			
106	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
107	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

108	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	200.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
109	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
110	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Trong thời hạn 07 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



		<p>viên. Trong thời hạn 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p>			
111	<p>Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>	<p>1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).</p>	<p>Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 33/2018/TT-BTC</p>

	phòng đại diện				ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
112	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
113	Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
		có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết			



của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ

		hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.			
114	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
115	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Có hiệu lực từ ngày 14/5/2018. - Thông tư số 13/2019/TT-



					BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/01/2020.
116	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
117	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017

					của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
118	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	650.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) ; 200.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
119	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban	Nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	Không	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



		<p>nhân dân cấp tỉnh; Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.</p>			
120	<p>Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch</p>	<p>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>	<p>1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).</p>	<p>Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>
121	<p>Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch</p>	<p>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.</p>	<p>.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).</p>	<p>Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>

122	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-TC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
123	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
124	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể	1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể



		thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	chính).	thao và Du lịch; Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
125	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy giao dịch số 11 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 69 Hùng Vương, Tp.Pleiku, Gia Lai.	1.500.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính); 2.000.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Thông tư số 06/2017/TT- BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẮI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên thủ tục hành chính	Số, ký hiệu Quyết định công bố TTHC
01	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
02	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
03	Thủ tục cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật tại địa phương do cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức.	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 6/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
04	Thủ tục cấp phép Triển lãm ảnh tại địa phương do cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức.	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 6/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
05	Thủ tục cấp phép tổ chức thi, liên hoan ảnh tại địa phương.	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 6/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
06	Thủ tục cấp giấy phép cho cá nhân, tổ chức, cơ quan tại địa phương đưa tác phẩm mỹ thuật, ảnh tham dự triển lãm, thi, liên hoan tại nước ngoài không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam.	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 6/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
07	Thủ tục cấp phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng phần mỹ thuật.	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 6/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
08	Thủ tục thẩm định dự toán kinh phí phần mỹ thuật tượng đài, tranh hoành tráng (công trình có dự toán kinh phí phần mỹ thuật dưới 300 triệu đồng).	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 6/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
09	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác, điêu khắc trong nước do tổ chức, cá nhân thuộc địa phương tổ chức tại địa phương.	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 6/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

10	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim đối với phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình và phim truyện do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 6/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
11	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
12	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh	Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 20.000 bản trở lên.	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 6/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
14	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
15	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang mời cá nhân là người nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
16	Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
17	Cấp giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi tỉnh	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
18	Thủ tục Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
19	Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
20	Cấp nhân kiểm soát bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu đối với các tổ chức thuộc địa phương	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
21	Thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo không yêu cầu có	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 10/10/2013



	giấy phép xây dựng công trình quảng cáo	của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
	Thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo yêu cầu có giấy phép xây dựng công trình quảng cáo (Bảng quảng cáo có diện tích 1 mặt từ 20m ² trở lên gắn vào công trình xây dựng có sẵn; bảng quảng cáo độc lập có diện tích 1 mặt từ 40m ² trở lên; màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích 1 mặt từ 20m ² trở lên).	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
23	Thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng rôn	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
24	Thông báo về việc tổ chức đoàn người quảng cáo.	Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
25	Thủ tục Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu).	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
26	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
27	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật.	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
28	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ.	Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
29	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm.	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
30	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ chức thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
31	Thủ tục tiếp nhận thông báo đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

32	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.	Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
33	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.	Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
34	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.	Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
35	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu.	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
36	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu.	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
37	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
38	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ.	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
39	Thủ tục đề nghị chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu.	Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
40	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại.	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
41	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại.	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
42	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại.	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
43	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 26/4/2019



	phương không vì mục đích thương mại	của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
44	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại.	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
45	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
46	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
47	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
48	Thủ tục cấp phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
49	Thủ tục thẩm định xếp hạng di tích cấp tỉnh	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
50	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
51	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
52	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với Bảo tàng cấp tỉnh, Ban hoặc Trung tâm quản lý di tích	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
53	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
54	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
55	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018

	vật	của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
56	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
57	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
58	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
59	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
60	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
61	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
62	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
63	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
64	Thủ tục Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
65	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
66	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
67	Thủ tục Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.



58	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
69	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
70	Thủ tục Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
71	Thủ tục Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
72	Thủ tục Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
73	Thủ tục Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
74	Thủ tục giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình theo đề nghị của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
75	Thủ tục Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hoá”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hoá”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá”.	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
76	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Yoga	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
77	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
78	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
79	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taewondo	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

80	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
81	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bơi, Lặn	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
82	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Billards & Snooker	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
83	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
84	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
85	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Khiêu vũ thể thao	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
86	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Thể dục thẩm mỹ	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
87	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
88	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể Thể dục thể thao tổ chức hoạt động Thể dục thể hình và Fitness	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
89	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
90	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Võ đạo thể thao giải trí	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
91	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Quyền anh	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.



92	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Võ cổ truyền, Vovinam	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
93	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
94	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Quần vợt	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
95	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
96	Thủ tục Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
97	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao	Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
98	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
99	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
100	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
101	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
102	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
103	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
104	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 25/02/2019

	đôi với môn Leo núi thể thao	của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
105	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
106	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
107	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
108	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao	Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
109	Thủ tục công nhận điểm du lịch	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
110	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
111	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
112	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
113	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
114	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
115	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
116	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.



117	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
118	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khoá cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
119	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
120	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
121	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khoẻ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
122	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
123	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
124	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị huỷ hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu huỷ	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
125	Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
126	Thủ tục Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
127	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

128	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
129	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
130	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
131	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
132	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
133	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
134	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.